

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST

Ngày: 20-10-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Anh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hồng

Ông Tân Nghị

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 20/10/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLST-KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty B. Địa chỉ trụ sở: Lô B6-5 Khu Công nghiệp Th, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô Văn L – Chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Thái Ng – Chức vụ: Kế toán (theo Giấy ủy quyền số 24/UQ-HCC-TGD ngày 10/3/2021). Ông Ng có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Công ty H1. Địa chỉ trụ sở: Tổ 10 cụm 2, phường T, quận T1, Thành phố Hà Nội; địa chỉ hiện nay: Số 623 đường L, phường TC, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Đình N – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Địa chỉ liên hệ: Số 623 đường L, phường TC, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 20/4/2015 Công ty B (sau đây gọi tắt là công ty B) và Công ty H1 (sau đây gọi tắt là công ty H1) ký kết hợp đồng mua bán số 32/2015/HĐMB về việc công ty B bán bê tông thương phẩm cho công ty H1 để thi công công trình đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi. Địa điểm thực hiện hợp đồng là tại Gói thầu số 01 (km3+940 - km7+350) đoạn qua xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Thực hiện hợp đồng, công ty B đã cung cấp bê tông cho công ty H1 tại công trình theo từng đợt đúng theo yêu cầu của công ty H1 đồng thời đã thực hiện nghĩa vụ xuất hóa đơn tài chính cho công ty H1 tương ứng với giá trị của từng đợt giao hàng. Tuy nhiên, phía công ty H1 đã không thực hiện đúng và đầy nghĩa vụ thanh toán cho công ty B theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2019 thì công ty H1 đã xác nhận đến ngày 30/9/2019 công ty H1 còn nợ công ty B số tiền là 681.340.001 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, công ty B đã nhiều lần liên lạc, yêu cầu công ty H1 thanh toán dứt điểm nhưng công ty H1 không thực hiện.

Ngày 21/5/2020, công ty B khởi kiện công ty H1 ra trước Tòa án để yêu cầu giải quyết. Công ty B xác định lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng là Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang để giải quyết tranh chấp và cam kết không khởi kiện đến Tòa án nào khác. Sau khi khởi kiện ra Tòa án thì vào ngày 31/3/2021 công ty H1 có thanh toán cho công ty B được số tiền là 50.000.000 đồng, ngày 30/6/2021 thanh toán được số tiền 30.000.000 đồng. Như vậy, nay công ty H1 còn nợ công ty B số tiền gốc là 601.340.001 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện của công ty B yêu cầu Hội đồng xét xử buộc công ty H1 trả cho công ty B số tiền nợ gốc là 601.340.001 đồng và tiền lãi từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2021 (18 tháng) trên số tiền chậm trả là 601.340.001 đồng với mức lãi suất 0,75%/tháng là 81.180.900 đồng; ngoài ra công ty không có yêu cầu gì khác.

*Bị đơn là Công ty H1 có các văn bản gửi Tòa án với nội dung như sau:*

Ngày 31/3/2021 Công ty H1 có Đơn đề nghị (về việc gia hạn giải quyết vụ án) trình bày xác định giữa công ty H1 và công ty B có quan hệ hợp tác với nhau trong quá trình thi công dự án cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi. Tuy nhiên, hiện nay dự án cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Bộ công

an điều tra “vi phạm quy định về đầu tư xây dựng công trình gây hậu quả nghiêm trọng” xảy ra tại dự án. Trong quá trình điều tra toàn bộ thanh toán cho các nhà thầu phụ thi công đã bị tạm dừng gần 3 năm nay, do đó Công ty H1 chưa thanh toán số công nợ còn lại cho công ty Bê tông Hòa Cầm. Vì vậy công ty H1 đề nghị gia hạn thời hạn giải quyết đến khi có kết luận cuối cùng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Bộ công an và việc thanh toán cho các nhà thầu phụ được tiếp tục. Ngày 17/5/2021 và ngày 22/6/2021 công ty H1 có đơn đề nghị với nội dung là đề nghị hoãn việc triệu tập, hoãn phiên tòa vì điều kiện công việc và vì tình hình dịch bệnh Covid -19 đang diễn biến phức tạp.

*Tài liệu, chứng cứ của vụ án:* Đơn khởi kiện, bản sao các văn bản: hợp đồng mua bán số 32/2015/HĐMB ngày 20/4/2015, phụ lục hợp đồng số 01 ngày 05/6/2016, biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/9/2019, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của công ty Bê tông Hòa Cầm, bản tự khai, bản kê tính lãi, giấy ủy quyền; công văn số 2104/CCCTT-ĐKKD ngày 15/7/2020 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội về cung cấp thông tin công ty H1 và hồ sơ pháp lý của công ty Hồng Hà.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 24, 34, 42, 50, 55, 306 của Luật Thương mại năm 2005 chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty B và xử: Buộc công ty H1 trả cho công ty B số tiền nợ gốc là 601.340.001 đồng và tiền lãi 81.180.900 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu phải thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa, nguyên đơn có lựa chọn Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện (xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng) giải quyết. Do vậy, đây

là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về thời hiệu khởi kiện: Không có đương sự nào có yêu cầu áp dụng thời hiệu, căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu trong vụ án này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 20/4/2015, Công ty B và Công ty H1 ký kết hợp đồng mua bán số 32/2015/HĐMB, ngày 05/6/2016 ký kết phụ lục hợp đồng số 01. Theo đó, công ty B bán bê tông thương phẩm cho công ty H1 để thi công công trình đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi. Quá trình thực hiện hợp đồng thì các bên không có tranh chấp gì về đối tượng, chất lượng, giá cả của hàng hóa. Theo biên bản đối chiếu công nợ (từ 01/01/2017 đến ngày 30/9/2019) thì công ty H1 đã xác nhận đến hết ngày 30/9/2019 công ty H1 còn nợ công ty B số tiền là 681.340.001 đồng.

Xét thấy việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng mua bán giữa Công ty B và Công ty H1 là hợp pháp. Theo Điều 3 của Hợp đồng mua bán số 32/2015/HĐMB ngày 20/4/2015 các bên đã thỏa thuận về phương thức và thời hạn thanh toán như sau: “3.1 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. 3.2 Thời gian tổng hợp khối lượng: Vào ngày 30 (cuối tháng), căn cứ vào bản xác nhận khối lượng bê tông của từng đợt cấp của bên A tại công trường, bên B tổng hợp và xuất hóa đơn GTGT gửi bên A. Giá trị thanh toán được thể hiện trên hóa đơn GTGT và là cơ sở để bên A thanh toán tiền bê tông cho bên B. 3.3 Thời hạn thanh toán: Trong 10 (mười) ngày tiếp theo, bên A có trách nhiệm thanh toán dứt điểm tiền bê tông cho bên B”. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng thì công ty H1 đã không thanh toán tiền mua bê tông cho công ty B đúng cam kết trong hợp đồng. Theo biên bản đối chiếu công nợ (từ 01/01/2017 đến ngày 30/9/2019) thì công ty H1 đã xác nhận đến hết ngày 30/9/2019 công ty H1 còn nợ công ty B số tiền là 681.340.001 đồng. Sau ngày đối chiếu công nợ công ty B đã nhiều lần yêu cầu công ty H1 thanh toán nhưng công ty H1 vẫn không thanh toán nên công ty B đã khởi kiện ra Tòa án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định công ty H1 đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc công ty B yêu cầu công ty H1 thanh toán số tiền nợ gốc chưa thanh toán là có cơ sở,

cần chấp nhận. Sau khi khởi kiện ra Tòa án thì vào ngày 31/3/2021 và ngày 30/6/2021 công ty H1 có thanh toán cho công ty B được số tiền là 80.000.000 đồng, như vậy số tiền gốc còn lại chưa thanh toán là 601.340.001 đồng. Hội đồng xét xử thấy cần buộc công ty H1 phải có trách nhiệm trả cho công ty B số tiền nợ gốc là 601.340.001 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi thì thấy: Công ty H1 đã chậm thanh toán tiền cho nguyên đơn theo thỏa thuận từ năm 2017, đến ngày 30/9/2019 các bên đối chiếu công nợ nhưng Công ty H1 vẫn không thanh toán cho công ty Bê tông Hòa Cầm. Do đó, căn cứ Điều 306 Luật thương mại, công ty B có quyền yêu cầu công ty H1 trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên, về mức lãi suất, công ty B chỉ yêu cầu mức lãi suất là 0,75%/ tháng tức là mức lãi suất cơ bản thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trên thị trường, thời gian tính lãi chỉ từ tháng 10/2020 đến tháng 3/2021; điều này có lợi cho công ty H1 và là sự tự nguyện của công ty B nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc Công ty H1 phải trả tiền lãi cho công ty B với số tiền 81.180.900 đồng.

[2.3] Bị đơn công ty H1 không có ý kiến gì đối với số tiền nguyên đơn yêu cầu thanh toán, chỉ đề nghị gia hạn thời hạn giải quyết để có điều kiện tham gia, trình bày quan điểm và đàm phán với nguyên đơn về phương án, lộ trình thanh toán nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 682.520.901 đồng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty H1 phải chịu theo qui định của pháp luật là 20.000.000 đồng + (282.520.901 đồng x 4%) = 31.301.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 24, 34, 42, 50, 55, 306 Luật Thương mại năm 2005,

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần B đối với Công ty Cổ phần H1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

**Tuyên xử:**

**1.** Buộc Công ty H1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần B số tiền 682.520.901 đồng (*sáu trăm tám hai triệu năm trăm hai mươi nghìn chín trăm lẻ một đồng*) (Trong đó nợ gốc là 601.340.001 đồng, tiền lãi là 81.180.900 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**2.** Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần Đầu tư thiết bị và xây dựng H1 phải chịu 31.301.000 đồng (*ba một triệu ba trăm lẻ một nghìn đồng*). Hoàn trả cho Công ty Cổ phần B 16.138.000 đồng (*mười sáu triệu một trăm ba tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0209 ngày 22/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

**3.** Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**4.** Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoà Vang;
- Chi cục THADS huyện Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

